

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC TH NĂM	DỰ TOÁN	SO SÁNH (1)
		NĂM 2022	2022		
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				
I	Nguồn thu ngân sách	15.318.808	18.841.027	19.241.581	102,13
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	4.364.849	4.117.151	5.383.800	130,77
2	Thu bổ sung từ NSTW	10.889.393	12.027.422	13.857.781	115,22
-	Thu bổ sung cân đối	9.314.782	9.314.782	9.753.529	104,71
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.574.611	2.712.640	4.104.252	151,30
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư				
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	64.566	2.696.454		
II	Chi ngân sách	15.306.808	15.050.195	19.241.581	127,85
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	8.381.008	6.246.931	11.956.497	191,40
2	Chi bổ sung cho ngân sách huyện	6.925.800	8.803.264	7.285.084	82,75
-	Chi bổ sung cân đối	5.844.779	5.844.779	5.948.294	101,77
-	Chi bổ sung có mục tiêu	1.081.021	2.958.485	1.336.790	45,18
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
III	Bội chi NSĐP/Bội thu NSĐP				
B	NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	9.540.952	12.855.448	11.043.404	115,75
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	2.615.152	4.052.184	3.758.320	143,71
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	6.925.800	8.803.264	7.285.084	105,19
-	Thu bổ sung cân đối	5.844.779	5.844.779	5.948.294	101,77
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.081.021	2.958.485	1.336.790	123,66
3	Thu kết dư				
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
II	Chi ngân sách	9.540.952	8.833.211	11.043.404	115,75
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện				
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã				
-	Chi bổ sung cân đối				
-	Chi bổ sung có mục tiêu				
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;